

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Hoa 3 _ Ngoại ngữ 2			
Mã học phần:	71TOUR10113		Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71TOUR10113_01, 02			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có		☒ Không	
<i>Giảng viên nộp đề</i>	☒ Lần 1		☐ Lần 2	

Lưu ý:

- Sinh viên làm bài trực tiếp trên hệ thống cte

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Nội dung	Mức độ câu hỏi
CLO1	Nắm vững từ vựng và cấu trúc ngữ pháp ở trình độ tiếng Trung HSK2 trong chương trình học	Tự luận	30%	IV. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống (3.0 điểm)	Hiểu
CLO2	Ghi nhớ từ vựng, mẫu câu, nghe hiểu và vận dụng tiếng Trung trong các tình huống	Trắc nghiệm	20%	I. Phán đoán đúng sai ý nghĩa các câu sau (2.0 điểm)	Vận dụng
CLO3	Vận dụng được từ mới và điểm ngữ pháp để giải quyết các bài tập, cũng như đàm thoại về những chủ điểm cơ bản	Trắc nghiệm	30%	II. Lựa chọn câu hỏi và câu trả lời thích hợp (1.5 điểm) III. Chọn vị trí cho từ trong ngoặc (1.5 điểm)	Vận dụng
CLO4	Xây dựng kế hoạch tự học, bồi dưỡng kiến thức và năng lực, học tập suốt đời.	Tự luận	20%	V. Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh (2.0 điểm)	Vận dụng

III. Nội dung bài thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM****I. PHÁN ĐOÁN ĐÚNG HOẶC SAI Ý NGHĨA CÁC CÂU SAU (0.25 / 2.0 ĐIỂM)**

1. 我的一个朋友正在找房子，希望离公司近一些，这样他每天七点起床就可以了。

★ 他的朋友现在每天七点起床。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

2. 大卫明天有考试，所以还在教室学习呢。

★ 大卫不在家。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

3. 今天是 9 月 20 号，再有三天就是爸爸的生日了。我想送他一个新手机。

★ 9 月 23 号是我的生日。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

4. 王老师让我给大卫打个电话。

★ 王老师给大卫打电话。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

5. 这件白的有点儿长，那件黑的有点儿贵。

★ 两件衣服，我都不喜欢。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

6. 天天吃羊肉，有鸡蛋面条吗？

★ 我不想吃羊肉了。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

7. 我在去机场的路上呢，还有十分钟就到了。

★ 我到机场十分钟了。

A. Sai

B. Đúng

ANSWER: A

8. 因为昨天下雨，所以我们都没去打篮球。

★ 昨天天气不好。

A. Đúng

B. Sai

ANSWER: A

II. LỰA CHỌN CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI THÍCH HỢP (0.25 / 1.5 ĐIỂM)

1	昨天的考试怎么样？题都做完了吗？	☐	A	他今天身体不太好。
2	小王怎么没来学校？	☐	B	让我想想再告诉你。
3	你的汉字非常漂亮。	☐	C	坐公共汽车太慢了。
4	你想看什么电影？	☐	D	谢谢，我是从小就开始学的。
5	我今天起得早，现在有点儿累。	☐	E	还可以，都做完了。
6	你为什么不坐公共汽车去公司？	☐	F	你休息一下儿吧。

III. CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC (0.25 / 1.5 ĐIỂM)

1. (A) 玛丽 (B) 我 (C) 下课以后到她家 (D) 找她。 【让】
2. 我 (A) 昨天 (B) 跟他 (C) 去商店 (D) 了。 【一起】
3. 王老师 (A) 介绍 (B) 这个书店 (C) 有很多外语 (D) 书。 【的】
4. 我 (A) 能 (B) 找到 (C) 一个好 (D) 的工作。 【希望】
5. 我 (A) 和 (B) 同学 (C) 一起 (D) 去玩儿。 【经常】
6. (A) 她 (B) 喜欢 (D) 看 (D) 电影。 【非常】

PHẦN TỰ LUẬN**IV. CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG (0.5 / 3.0 ĐIỂM)**

懂	等	找	离	就	从
---	---	---	---	---	---

1. 北京到上海坐飞机一个多小时（ ）到了。
2. 今天的课，你都听（ ）了没有？
3. 这个星期太忙了，下星期再（ ）时间一起去看电影吧。
4. 我每天（ ）8点到12点都在公司工作。
5. 我家（ ）学校不太远。
6. 张老师在上课呢，他让你（ ）一会儿。

V. SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH (0.5 / 2.0 ĐIỂM)

1. 没有 / 你的 / 看见 / 我 / 手表
2. 跳舞 / 我 / 一次 / 是 / 第
3. 中国人 / 吗 / 怎么 / 你知道 / 过生日
4. 都 / 个个 / 很 / 同学们 / 高兴

~~~~~HẾT~~~~~

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

| <b>Phần câu hỏi</b> | <b>Nội dung đáp án</b>                                                                                                                 | <b>Thang điểm</b> |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I.</b>           | <b>PHÁN ĐOÁN ĐÚNG HOẶC SAI Ý NGHĨA CÁC CÂU SAU</b><br>1. Sai<br>2. Đúng<br>3. Sai<br>4. Sai<br>5. Đúng<br>6. Đúng<br>7. Sai<br>8. Đúng | <b>2.0 điểm</b>   |
| <b>II.</b>          | <b>LỰA CHỌN CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI THÍCH HỢP</b><br>1E, 2A, 3D, 4B, 5F, 6C                                                             | <b>1.5 điểm</b>   |
| <b>III.</b>         | <b>CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC</b><br>1. B, 2. C, 3. D, 4. A, 5. C, 6. B                                                  | <b>1.5 điểm</b>   |
| <b>IV.</b>          | <b>CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG</b><br>1. 就<br>2. 懂<br>3. 找<br>4. 从<br>5. 离<br>6. 等                                            | <b>3.0 điểm</b>   |
| <b>V.</b>           | <b>SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH</b><br>1. 我没有看见你的手表。<br>2. 我是第一次跳舞。<br>3. 你知道中国人怎么过生日吗？<br>4. 同学们个个都很高兴。                            | <b>2.0 điểm</b>   |
|                     | <b>Điểm tổng</b>                                                                                                                       | <b>10.0</b>       |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2024

**Người duyệt đề**  
Đã duyệt

**Giảng viên ra đề**  
Đã ký

ThS. Trần Thị Ngọc Thúy

ThS. Trương Mỹ Vân